

CÔNG TY CỔ PHẦN SXKD XNK BÌNH THẠNH
GILIMEX

334A Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, TP HCM
Điện thoại: 08-35108508 – Fax: 08-35510585

Số :02/2022KT/CV - GIL

V/v: Giải trình báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 sau kiểm toán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

TP. HCM, Ngày 21 Tháng 03 Năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM

Công ty cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh giải trình 1 số điểm kiểm toán ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán như sau:

Nội dung	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch	Ghi chú
Tiền	419.218.527.257	419.196.836.657	(21.690.600)	Điều chỉnh ghi nhận phần chi tiền mặt cho chi phí nghỉ mát trong năm & điều chỉnh tạm ứng tiền mặt của cán bộ nhân viên
Các khoản tương đương tiền	208.000.000.000	342.850.000.000	134.850.000.000	Điều chỉnh trình bày khoản tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng từ đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn qua tương đương tiền
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	549.998.000.000	415.148.000.000	(134.850.000.000)	Điều chỉnh trình bày khoản tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng từ đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn qua tương đương tiền
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	878.435.506.083	878.427.586.083	(7.920.000)	Điều chỉnh căn trừ công nợ phải thu khách hàng và phải trả nhà cung cấp của cùng một đối tượng.
Phải thu ngắn hạn khác	56.265.276.962	57.789.863.165	1.524.586.203	Điều chỉnh trình bày phải thu khác, phải trả khác & điều chỉnh loại trừ giao dịch nội bộ
Hàng tồn kho	749.455.563.254	749.348.150.440	(107.412.814)	Điều chỉnh lại hàng tồn kho do phân bổ lại chi phí công cụ, dụng cụ
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.327.679.576	2.327.441.538	(238.038)	Điều chỉnh phân bổ lại công cụ, dụng cụ và điều chỉnh phân loại tài sản cố định và chi phí phân bổ.
Tài sản cố định hữu hình	229.827.579.281	229.887.095.648	59.516.367	Điều chỉnh chỉnh phân loại tài sản cố định và chi phí phân bổ.
Chi phí trả trước dài hạn	34.895.822.168	34.843.213.530	(52.608.638)	Điều chỉnh chỉnh phân loại tài sản cố định và chi phí phân bổ.
Phải trả người bán ngắn hạn	927.156.245.097	927.146.082.543	(10.162.554)	Điều chỉnh căn trừ công nợ phải thu khách hàng và phải trả nhà cung cấp của cùng một đối tượng & điều chỉnh trình bày giữa chi phí phải trả và phải trả người bán
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	46.894.303.683	46.673.918.397	(220.385.286)	Điều chỉnh lại thuế thu nhập doanh nghiệp do thay đổi lợi nhuận trước thuế
Phải trả người lao động	84.843.715.433	84.312.169.252	(531.546.181)	Điều chỉnh trích bổ sung khoản phải trả người lao động
Chi phí phải trả ngắn hạn	760.595.637	824.073.537	63.477.900	Điều chỉnh giảm chi phí nghỉ mát & điều chỉnh loại trừ giao dịch nội bộ
Phải trả ngắn hạn khác	51.462.164.185	52.683.004.312	1.220.840.127	Điều chỉnh trình bày phải thu khác, phải trả khác & điều chỉnh giảm chi phí khen thưởng trong năm & điều chỉnh loại trừ giao dịch nội bộ
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	884.534.044.505	885.394.615.299	860.570.794	Điều chỉnh do ảnh hưởng lợi nhuận trong năm
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	57.490.437.767	57.501.875.447	11.437.680	Điều chỉnh do ảnh hưởng lợi nhuận trong năm
Gia vốn hàng bán	3.396.357.576.218	3.395.857.694.895	(499.881.323)	Điều chỉnh phân loại giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp, điều chỉnh loại trừ giao dịch nội bộ
Doanh thu hoạt động tài chính	85.127.716.814	85.091.627.249	(36.089.565)	Điều chỉnh khoản ký quỹ tiền ngoại tệ trong năm & điều chỉnh loại trừ giao dịch nội bộ
Chi phí tài chính	62.975.458.524	62.962.365.263	(13.093.261)	Điều chỉnh loại trừ giao dịch nội bộ
Chi phí quản lý doanh nghiệp	156.404.142.118	156.288.786.389	(115.355.729)	Điều chỉnh phân loại giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp, điều chỉnh loại trừ giao dịch nội bộ

Thu nhập khác	8.262.781.115	8.321.361.115	58.580.000	Điều chỉnh bổ sung khoản thu bồi thường do người lao động nghỉ việc
Chi phí khác	6.984.581.827	6.985.748.770	1.166.943	Điều chỉnh loại trừ giao dịch nội bộ
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	110.531.910.102	110.367.368.290	(164.541.812)	Điều chỉnh do thay đổi lợi nhuận trước thuế
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(7.546.793.660)	(7.663.964.532)	(117.170.872)	Điều chỉnh do thay đổi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	329.701.741.148	330.633.107.637	931.366.489	Điều chỉnh do thay đổi lợi nhuận trước thuế & thuế thu nhập doanh nghiệp

Trên đây là giải trình của Công ty Gilimex về báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2021.

Công ty TNHH DV Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán Và Kiểm Toán Phía Nam
Phó Tổng Giám Đốc



DƯƠNG THỊ QUỲNH HOA

Công ty CP SXKD XNK Bình Thạnh



Chủ tịch HĐQT

LÊ HÙNG

